

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 02- 2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn, bà Đỗ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Loan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Không tham gia theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1993; nơi ĐKNKTT: **Thôn L, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**; chỗ ở hiện nay: **Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam**, vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quang D**, sinh năm 1993; địa chỉ: **Thôn L, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị N** trình bày: Chị và anh **D** đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện D (nay là xã T, thị xã D), tỉnh Hà Nam** vào ngày 06/01/2020 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu đi đến xây dựng hạnh phúc.

Sau ngày cưới vợ chồng chị về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do hai vợ

chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày cũng như trong làm ăn kinh tế nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2023 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn này xin được giải quyết ly hôn với anh D.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Quang D trình bày về điều kiện, thủ tục đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do có một số mâu thuẫn trong sinh hoạt cá nhân nên dẫn đến vợ chồng va chạm rồi chị N có xin phép anh chuyển về gia đình mẹ để ở và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh, anh không đồng ý.

Về con chung của vợ chồng: Chị N, anh D xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29/8/2020. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị N. Khi ly hôn cả chị N và anh D đều có nguyện vọng xin nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Quá trình hoà giải chị N trình bày chị đang đi làm công ty và bán hàng trên mạng thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 12 triệu đồng/1 tháng, còn anh D trình bày anh kinh doanh ngoài thu nhập bình quân khoảng 17 - 18 triệu đồng/1 tháng. Toà án đã giao trách nhiệm cho các đương sự có trách nhiệm cung cấp tài liệu chứng minh thu nhập nhưng đến thời điểm nay không có đương sự nào cung cấp tài liệu chứng minh thu nhập của mình.

Về tài sản chung; công sức; công nợ: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà các đương sự đều vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử TAND thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Quang D, tuy nhiên chị N có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy HĐXX căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang D kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D (nay là xã T, thị xã D), tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2020 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là thực tế các bên đã thừa nhận, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất

đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, sống ly thân bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình đã trình bày ở trên. Nay chị **N** xin ly hôn, anh **D** không đồng ý ly hôn nhưng từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay các đương sự không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại, vợ chồng vẫn sống ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại trong một thời gian mà không được cải thiện, vợ chồng vẫn sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử lý hôn giữa chị **N** và anh **D** là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị **N**, anh **D** xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hải Đ**, sinh ngày 29/8/2020. Khi ly hôn các đương sự đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con chung của chị **N** và anh **D** đều là chính đáng và hợp pháp, tuy nhiên hiện cháu **Đ** đang còn nhỏ, từ thời điểm sống ly thân cháu đang ở với chị **N** nên căn cứ vào tình hình thực tế, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu nên khi ly hôn cần giao cháu **Nguyễn Hải Đ**, sinh ngày 29/8/2020 cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi cháu **Đ** đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. **Anh D1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **N**, anh **D1** được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị N** phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Nguyễn Thị N** và anh **Nguyễn Quang D**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Hải Đ**, sinh ngày 29/8/2020 cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi cháu **Đ** đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. **Anh D1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **N**, anh **D1** được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định

của pháp luật. Chị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh D1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai số 0001525 ngày 11/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- Chi cục THA thị xã Duy Tiên.
- UBND xã Tiên Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tươi

